

UBND XÃ TUỆ TĨNH

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN NĂM 2026

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Kết sổ đến ngày: 07/10/2026

Thời gian in: 08/10/2026 08:08

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Phát Sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	197.058.943.000	53.328.951.594	140.013.275.738	71,1%	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	197.058.943.000	53.328.951.594	140.013.275.738	71,1%	
I	Chi đầu tư phát triển	35.820.943.000	10.754.527.600	26.901.130.600	75,1%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	35.820.943.000	10.754.527.600	26.901.130.600	75,1%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả lãi, phí tiền vay					
III	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	153.703.000.000	42.574.423.994	113.112.145.138	73,6%	
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi quốc phòng	2.483.000.000	560.037.200	2.303.118.360	92,8%	
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.536.000.000	535.065.252	1.164.613.052	75,8%	
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	81.797.000.000	18.844.027.701	51.268.828.365	62,7%	
4	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	357.000.000	161.950.292	161.950.292	45,4%	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	3.979.000.000	1.041.939.217	2.692.720.428	67,7%	
6	Chi văn hoá thông tin	1.527.000.000	273.876.979	910.691.397	59,6%	
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	270.000.000	205.104.169	215.839.369	79,9%	
8	Chi thể dục thể thao	319.000.000	89.500.060	141.649.284	44,4%	
9	Chi bảo vệ môi trường	2.237.000.000	527.438.982	1.962.383.199	87,7%	
10	Chi các hoạt động kinh tế	11.606.000.000	1.294.128.886	2.261.223.728	19,5%	
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	25.213.000.000	11.040.858.117	28.460.675.955	112,9%	
12	Chi đảm bảo xã hội	21.594.000.000	8.000.497.139	21.568.451.709	99,9%	
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	785.000.000				
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	3.397.000.000				
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế	4.138.000.000				
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

